

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 – 9 – 2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia
đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ - TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Ngoan.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật
2. Ông Trương Văn Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2022/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Thanh S (Tuốt), sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Thuỳ T, sinh năm: 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Xà Phiên, huyện LM, tỉnh HG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Thanh S(gọi tắt là anh S) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2012 anh S và chị Huỳnh Thị Thuỳ T (gọi tắt

là chị T) tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân phường Hưng Long, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, hôn nhân của anh chị là tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung hạnh phúc năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có tiền nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Nay anh S cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh S cho rằng vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thị Lang A (giới tính: nữ) sinh ngày 09/10/2012, hiện nay cháu Lang A đang sống chung với anh S, khi ly hôn anh S yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T.

Về tài sản chung: Anh S khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh S khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Huỳnh Thị Thuỳ T đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh S và Tòa án đã triệu tập họp lệ chị T để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Thuỳ T.

Tại phiên tòa, anh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Thuỳ T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn anh Trần Thanh S khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Thuỳ T. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, yêu cầu nuôi con chung”. Bị đơn chị Huỳnh Thị Thuỳ T có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã Xà Phiên, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Thuý T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Vì vậy, hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối chị Trang nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh S, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Vào 2012 anh S và T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình sống chung, anh S cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên mặc dù vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh chị đã không còn sống chung với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị T thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S đối với chị T.

[2.2]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của anh S, hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi sinh ra thì cháu Lang A sống chung với vợ chồng anh chị nhưng từ khi anh chị không còn sống chung với nhau thì cháu Lang A sống với anh S. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho cháu Lang A, hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Trần Thị Lang A (giới tính: nữ) sinh ngày 09/10/2012 cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị Huỳnh Thị Thuý T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về cấp dưỡng: Do anh S chưa yêu cầu nên hội đồng xét xử chưa xem xét.

[2.4]. Về tài sản chung: Anh S khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5]. Về nợ chung: Anh S khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc anh Sang phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Trần Thanh S đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Thuỳ T. Cho anh Trần Thanh S được ly hôn với chị Huỳnh Thị Thuỳ T.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của anh Trần Thanh S, cho anh S được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Thị Lang A (giới tính: nữ) sinh ngày 09/10/2012, hiện nay cháu Lang A đang sống chung với anh S.

Về cấp dưỡng: Anh Trần Thanh S không yêu cầu chị Huỳnh Thị Thuỳ T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Huỳnh Thị Thuỳ T không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn anh Trần Thanh S phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006356 phiếu lập ngày 08/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND xã Xà Phiên;
- UBND phường Hưng Long; thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Thúy Ngoan